



VÔ NGÃ

Thích Trí Siêu

Chấp Ngã

Từ xưa đến nay chưa bao giờ có Ta cả. Cái Ta chưa bao giờ hiện hữu, Ta chỉ là một ảo ảnh, một giả danh. Thế nào là ảo ảnh (mirage)? Khi đi trong sa mạc, đói khát, nhìn xa thấy có ao nước nhưng khi chạy lại gần thì chẳng thấy gì cả. Ao nước là một ảo ảnh, nó ảnh hiện như có mà kỳ thực là không. Cũng vậy, con người luôn luôn cảm thấy như có một cái Ta (hiện hữu), nhưng khi tìm lại thì không thấy. Vì sao? Vì nó chỉ là một giả danh, danh từ tạm lập (nom désigné) của một hợp thể 5 uẩn. Như vậy, không có Ta (ngã) mà chỉ có 5 uẩn. Thế nhưng tại sao lại luôn luôn thấy có Ta, mở miệng ra là nói Ta (tôi) thế này, Ta thế nọ. Luôn luôn khuyên bảo người khác phá ngã, hoặc mắng chửi họ là "đồ chấp ngã"! Ai thực sự thấy ngã là gì? Ai thực sự thấy ngã là gì? Ai hoàn toàn không còn chấp ngã? Những câu như: "Anh phải phá ngã đi" hoặc "Anh còn chấp ngã quá!" là những câu vô nghĩa (non-sens) vì không có nền tảng (sans fondement). Cái ngã (Ta) chưa bao giờ hiện hữu (exister), vậy làm sao phá? Bảo phá ngã cũng giống như bảo đi nhổ lông rùa. Con rùa chưa hề có lông, mà bảo người ta đi nhổ tức đã tự cho là có. Bảo người khác phá ngã tức tự mình đã chấp nhận cái ngã (Ta) là có (exister). Còn chữ "chấp ngã" có nghĩa là bám víu vào một cái gì rồi cho nó là Ngã. Do đó khi chữ "chấp ngã" được dùng như một danh từ hay thuật ngữ (terminologie) như "sự chấp ngã" thì được, nhưng nếu dùng nó như một động từ (verbe) thì phải thêm vào một túc từ (complément) như "chấp ngã cái gì?" hoặc "chấp cái gì là ngã?". Nếu có ai chửi bạn là "đồ chấp ngã" thì bạn có thể photocopie trang này đưa cho họ và khuyên họ lần sau nên chửi cho đủ câu.

Trong kinh luận có nói đến 62 tà kiến về sự chấp ngã, nhưng chung quy cũng không ngoài 5 uẩn. Đó là chấp:

- 1/ Sắc là Ta
- 2/ Sắc nằm trong Ta
- 3/ Ta nằm trong sắc
- 4/ Ta có sắc.

- 1/ Chấp sắc là Ta: Cho thân tứ đại, đầu, mắt, tay, chân,... là Ta. Khi thân đi thì cho là Tôi (Ta) đi. Nhìn trong gương thấy mặt đẹp, cho là tôi đẹp.
- 2/ Chấp sắc nằm trong Ta: Cho sắc là một phần nhỏ nằm trong cái Ta (lớn). Thí dụ như nói "chân tôi đau" tức chân là một phần của tôi.
- 3/ Chấp Ta nằm trong sắc: Cho Ta là một phần nhỏ của sắc, tức sắc lớn hơn Ta. Thí dụ như nói "Tôi đau bụng" tức Tôi nằm trong sắc (bụng).
- 4/ Chấp Ta có sắc: Cho Ta là cái gì ở ngoài sắc và là chủ của sắc. Thí dụ như nói "Tôi phải săn sóc cái thân".

Trên đây là 4 điều làm chấp về sắc uẩn. Đối với 4 uẩn còn lại cũng làm chấp như trên, chỉ thay thế thọ, tưởng, hành, thức vào chữ sắc.

Như thế có 20 sự làm chấp về 5 uẩn; 20 sự làm chấp này xảy ra trong cả 3 thời: quá khứ, hiện tại, vị lai. Thí dụ chấp cái sắc (thân) hôm qua là Ta, cái sắc hôm nay cũng là Ta và cái sắc ngày mai cũng vẫn là Ta. Như vậy là có 60 (20x3) sự làm chấp (tà kiến).

Thêm vào 2 làm chấp nữa là chấp thường và chấp đoạn: cho cái Ta này thường còn vĩnh cửu hoặc mất hẳn sau khi chết.

Trên đây là 62 tà kiến về Ngã (satkayadrsti). Bạn đọc nên ngẫm nghĩ lại và kiểm chứng trong đời sống hằng ngày hoặc những lúc thiền quán, xem mình chấp ngã kiểu nào và chấp cái gì là Ngã.

Vô Chủ

Sự chấp ngã của Mạt Na là "câu sinh ngã chấp" tức sự chấp ngã cùng sinh ra một lần với thân mạng. Nhưng thật ra Mạt Na đã chấp ngã trước khi thân mạng được sinh ra. Nó lấy kiến phần (darsanabhaga) của A Lại Da làm đối tượng và làm cho đó là Ngã. Do đó sự chấp ngã này rất là vi tế. Khi thân mạng được sinh ra, Mạt Na có cơ hội củng cố sự chấp ngã của nó, bằng cách gán vào mọi sự vật đối tượng cái nhãn

hiệu Ta và của Ta. Như mỗi lần mở miệng ra nói Ta (Tôi) là một lần củng cố thêm sự hiện hữu của cái Ta, trừ trường hợp Ý thức biết đó là một quy ước giả lập (langage conventionnel).

Sự chấp ngã của Ý thức là "phân biệt ngã chấp" tức sự chấp ngã do nhận thức sai lầm mà ra. Sự nhận thức sai lầm này là kết quả của vô minh quá khứ, còn gọi là **si** tức sự không thông hiểu giáo lý Phật pháp như Tứ Diệu Đế, Tam Pháp Ấn (vô thường, khổ, vô ngã)... Khi nhìn vào cái thân tứ đại này, thay vì ghi nhận một cách đúng đắn: "đây là thân", Ý thức lại ghi nhận: "Đây là Ta, hoặc đây là thân Ta". Khi đi, thay vì ghi nhận như thật: Thân đang đi, hoặc có một sự đi, Ý thức lại ghi nhận: "Ta đang đi".

Ý thức tuy cũng chấp ngã, nhưng nó có khả năng ghi nhận, phân biệt sự vật đúng như thật (yathabutam). Nếu được học, hiểu, tu tập quán chiếu Vô Ngã, dần dà Ý thức sẽ không còn ghi nhận sai lầm về sự thật nữa mà sẽ hiểu tất cả những sự đi, đứng, nằm, ngồi, nói, năng, v.v... chỉ là một sự tác động vô chủ của 5 uẩn. Không có một cái Ta nào hiện hữu thực chất (substantiel) để làm chủ hay điều khiển 5 uẩn cả. Pháp Thiền Tứ Niệm Xứ rất có công hiệu trong việc thanh lọc và truy luyện Ý thức. Nói đến đây, nhớ lại trong quyển "Thiền Tứ Niệm Xứ", phần Niệm Thọ, tôi có nhấn mạnh rằng khi đau chân, hành giả tuyệt đối không được niệm: "*Tôi đang đau, hoặc chân tôi đau*", mà phải niệm "*có một cảm giác đau nhức đang phát sanh (nơi chân)*". Thực thể, làm gì có một cái Tôi nào đau chân? Nếu niệm Tôi đang đau, tức chấp cảm thọ đau là Ta (bạn đọc xem lại 62 tà kiến về Ngã ở trên).

Ý thức cần nhận diện cho rõ sự duyên khởi vô chủ của 5 uẩn cũng như của các pháp. Để hiểu rõ về vô chủ, ta có thể quán chiếu về mưa. Mưa là gì? Là một hiện tượng thiên nhiên, là sự rơi rớt của những hạt nước từ trên không xuống đất. Gặp trời nắng, nước trong sông, hồ, bốc hơi lên tụ thành mây. Khi khí hậu thay đổi nhiệt độ và áp tiết thì mây biến thành nước và rơi xuống thành mưa. Những hạt nước mưa chảy trở về ao, hồ. Sau đó, nếu gặp trời nóng sẽ lại bốc hơi lên và cuộc tuần hoàn lại tái diễn. Như vậy mưa chỉ là một phần nhỏ của cả cuộc tuần hoàn trên. Không có Ai làm ra mưa! Mưa là một hiện tượng vô chủ, tức không có ai làm chủ hay điều khiển nó.

Cũng thế, khi bước đi, bạn không nên cho rằng có một cái Ta bước đi mà chỉ có một sự bước đi, hay đúng hơn là có một cái thân đang bước đi. Sự bước đi này cũng là một hiện tượng vô chủ, diễn tiến như một cơn mưa vậy. Chỉ có một sự đi chứ không có Ai đi cả! Vì sao? Trong tâm có một ý niệm (muốn đi) hiện khởi, ý niệm này tác động vào thân khiến cho thân di động. Chỉ có một sự di động, biến chuyển xảy ra do tác động phối hợp của thân và tâm, thế thôi! Sự kiện này xảy ra "**vô chủ**". Thế nhưng bởi vô minh chấp ngã, Mạt Na cộng tác với Ý thức, gán vào sự kiện vô chủ đó một ông chủ, tức cái Ta: "Ta đi".

Ngay nơi 5 uẩn này đã có một sự chấp Ta rồi, và tệ hại hơn nữa, khi đối đầu với thế giới bên ngoài, tiếp xúc, xung hô, chúng ta không thể nào không dùng chữ Ta. Vì nếu bỏ, không dùng chữ Ta nữa thì ăn nói làm sao bây giờ? Làm sao phân biệt được đâu là anh, đâu là tôi?

1. Đến đây bạn đọc cần nhận định rõ có hai loại Ta (ngã):
Một cái Ta dường như hiện hữu độc lập, tự tánh (le Je intrinsèque) không tùy thuộc vào nhân duyên bên ngoài, giữ vai trò chủ động, sai khiến 5 uẩn.
2. Một cái Ta giả lập (le Je désigné) trên 5 uẩn để chỉ định, phân biệt, xung hô cho một cá nhân trong môi trường xã hội, cộng đồng. Nó là một danh từ quy ước (convention) rất cần thiết cho đời sống hằng ngày, thuộc Tục Đế (vérité relative).

Thông thường, vì ít khi nào để ý xem cái Ta hiện hữu kiểu nào, có mấy loại, nên chúng ta chấp lẫn lộn cả hai loại trên. Trong hai cái Ta thì cái Ta dường như hiện hữu độc lập tự tánh là một tà kiến cần phải giải trừ, vì thực sự nó chưa và sẽ không bao giờ hiện hữu (exister). Còn cái Ta giả lập là một quy ước tục đế, nó vô hại một khi đã thấu hiểu Vô Ngã. Các vị A La Hán, Bồ Tát, sau khi chứng ngộ vẫn tiếp tục dùng chữ Ta (tôi) để xưng hô hay nói chuyện với người, nhưng trong tâm của các ngài không còn bám víu vào một cái Ta, không còn bóng dáng của một cái Ta hiện hữu độc lập. Tuy cái Ta giả lập này tự nó không phải là một tà kiến, nhưng nếu không hiểu Vô Ngã, thì mỗi lần dùng đến nó như nói: Tôi đi, tôi làm, tôi nói, v.v... chúng ta lại vô tình củng cố thêm sự chấp ngã sâu dày từ đời vô thủy.

Nói đến đây xem như xong phần "Chư pháp Vô Ngã". Chúng ta có thể chuyển sang nói chuyện theo Đại thừa để thay đổi không khí.

Có Hay Không?

Đa số hay ưa chuộng Bát Nhã, thích tu theo "Không", ít khi nào nói đến "Có", xem "Có" như một tà kiến, rất

ky không được nói đến, vì nếu nói đến có thể bị liệt vào Tiểu thừa chấp pháp. "Không" và "Có" là hai khái niệm đối đãi tương sinh. Nếu không có "Không" thì sẽ không có "Có". "Không" và "Có" giống như hai mặt của một đồng tiền, làm sao có thể tách rời được?

Nhưng trước khi nói chuyện có Có-Không, thiết nghĩ cần phải xác định lại ý nghĩa cũng như vị trí của hai chữ này. Như ở phần trước, khi nói đến Vô Ngã, cần phải hiểu Ngã là gì? Ta là gì? Chấp ngã là chấp ngã cái gì? Có là có cái gì? Không là không cái gì? Cũng cùng một danh từ mà nói theo trong Đạo thì một nghĩa, theo ngoài đời thì lại một nghĩa khác. Do đó khi nói chuyện, nhất là chuyện Đạo, cần xác định lại phương diện vị trí, hoặc theo Chân đế tuyệt đối (paramartha) hoặc theo Tục đế tương đối (samvrti) hoặc Tánh (svabhava) hoặc Tướng (laksana). Vẫn biết Tánh không rời Tướng, Tướng không rời Tánh, nhưng nếu nói lẫn lộn thì thật là khó xử !

Thông thường chữ "Có" có nghĩa khẳng định (affirmation), "Không" là phủ định (négation). Thí dụ hỏi: Anh có đi chơi không? Câu trả lời sẽ là hoặc Có hoặc Không. Trong trường hợp này "Có", "Không" là một trợ động từ (verbe auxiliaire), vì "có" là có cái gì? Có (đi chơi). "Đi chơi" là động từ chính. Ngoài ra chữ "Có" trong tiếng Việt có thể hiểu như một động từ (verbe). "Có" (posséder, avoir) như sở hữu, có được: "Tôi có hai căn nhà". Chữ "Có" còn có nghĩa là có mặt, hiện hữu (exister) như: Cái bàn có hay không? "Không" là một danh từ đối lập của "Có". Dù được dùng như trợ động từ hay động từ chính, chữ "Có và Không" vẫn không nằm ngoài hai nghĩa "Khẳng định" và "Phủ định". Nhưng khẳng định là khẳng định cái gì? Phủ định là phủ định cái gì? Không thể khẳng định hay phủ định suông được ! Do vậy, "Có và Không" cần phải đi đôi với một túc từ (complément) mới đủ nghĩa. Song le, trong đời sống hằng ngày, chúng ta có thể bỏ rơi túc từ cũng không sao, vì trong nội dung câu chuyện ta vẫn có thể hiểu được. Nhưng trong Đạo, lời Kinh thường được dịch theo lối Hán-Việt, và nếu không dùng theo văn phạm Việt Nam thì sẽ gây nhiều hiểu lầm. Đó là trường hợp chữ "Không" của Bát Nhã:

"Sắc tức thị không, Không tức thị sắc !"

"Cái bàn có hay không?" - Cái bàn có mà không! Nói như vậy ai mà hiểu cho nổi ! Chữ Không ở đây nó không phải đối lập với Có nữa mà nó phủ định chuyện khác.

Xưa kia, Thần Hội đến viếng Lục Tổ Huệ Năng. Tổ có nói câu:

- Ta thấy mà cũng chẳng thấy !

- Thấy là thấy lỗi lầm nơi tâm mình, chẳng thấy là không thấy những việc phải quấy của người khác.

Ở đây đối tượng của thấy và chẳng thấy không phải là một mà là hai thứ khác nhau. Cũng thế "Cái bàn có mà không !" là nghĩa làm sao?

Cái bàn có mà không có thật ! (La table existe en n'existant pas vraiment !) Danh từ "có thật" có hai nghĩa, tùy theo Đạo hay theo Đời. Theo Đời, những gì mắt thấy, tai nghe, tay sờ mó được thì gọi là có thật. Theo Đạo Phật thì danh từ có thật không có nghĩa như vậy. "Có thật" có nghĩa là có thật tánh, có tự ngã, tự tánh. Thí dụ: Nếu cái bàn có thật thì dù có đem nó ra băm chẻ, thiêu đốt thì nó vẫn là cái bàn, không thay đổi. Trải qua một trăm tỷ năm, không cần ai làm ra nó, không cần ai tạo ra nó mà tự nó vẫn là cái bàn thì đó gọi là có thật. Nhưng thực tế, nếu đem cái bàn ra băm chẻ, thiêu đốt, nó sẽ không còn là cái bàn nữa, và như vậy theo đạo Phật thì cái bàn không có thật (n'existe pas vraiment). Không có thật còn có nghĩa là không có tự tánh (n'ayant pas de nature propre).

Cái bàn có mà không có thật đồng nghĩa với cái bàn có mà không có tự tánh. Chữ "Có" ở đây có nghĩa hiện hữu (exister) chứ không phải sở hữu (avoir). Cái bàn có hiện hữu chứ đâu phải không. Nó do nhiều nhân duyên hợp lại như gỗ, đinh, cửa, búa, v.v... mới thành. Vì do nhân duyên hợp nên không thể tự có một mình được. Sự không thể tự có một mình được gọi là không có tự tánh. Như vậy khi nói "cái bàn có mà không", chữ "có" và "không" ở đây không phải là hai danh từ đối đãi trực tiếp như chúng ta thường hiểu mà chữ "có" nó khẳng định một chuyện (có hiện hữu) và chữ "không" lại phủ định một chuyện khác (không có tự tánh).

Để tránh trường hợp lầm lẫn cho "có" là đối lập của "không" chúng ta có thể thay thế chữ "có" bằng chữ "ảnh hiện" (apparaytre). Về chữ "ảnh hiện", có một thí dụ rất hay trong số mười thí dụ nói về pháp không của Kinh Đại Bát Nhã, đó là ảo ảnh về sóng nắng (mirage). Khi đi trong sa mạc, đói khát, nhìn đằng xa, ta thấy có một ao nước. Mừng rỡ chạy vội đến. Nhưng khi đến nơi thì chẳng còn thấy ao nước nào cả ! Ao nước rõ ràng hiện bày trước mắt, nhưng khi tìm lại thì không thấy. Vậy ao nước có hay không có? Nếu bảo là có, vậy sao tìm không thấy? Nếu bảo là không thì sao mắt lại thấy? Vậy phải trả lời làm sao đây? Có hai cách:

1/ Vừa có vừa không.

2/ Không có cũng không không.

Thật ra, không có cũng không không đồng nghĩa với vừa có vừa không. Hai cách trên chúng ta không nên

dùng vì nó hơi "Thiền" quá ! Nhiều khi chính chúng ta không hiểu mà làm cho người khác cũng không hiểu luôn. Nói chuyện mà không ai hiểu ai thì cuộc nói chuyện trở thành vô ích. Cách cuối cùng là nên trả lời dài dòng nhưng đầy đủ ý nghĩa, tức là: Ao nước có ảnh hiện nhưng không có thật - Đây chính là Sắc tức thị Không. Ao nước tuy không có thật nhưng vẫn ảnh hiện - Không tức thị Sắc.

Theo Chân Đế tuyệt đối thì các pháp không có thật, không có tự tánh, không thể nắm bắt, nên không sinh, không diệt, tương ứng với chữ Chân Không. Nhưng Chân Đế không lia Tục Đế. Các pháp tuy không có thật, không có tự tánh, nhưng chúng vẫn duyên khởi, vẫn ảnh hiện và vẫn diệu hữu.

Thế nào là tuyệt đối, là tương đối? Sau một cuộc truy lùng, tìm kiếm cùng cực tới mức tối hậu (recherche ultime) mà ta thấy được một điều gì thì điều này được xem là tuyệt đối (ultime). Như thí dụ trên: Sau khi tìm kiếm ao nước trong sa mạc, ta không thấy gì cả. Sự không thấy gì cả là một cái thấy tuyệt đối, còn có nghĩa là tối hậu.

Lúc sống bình thường, không cần tìm kiếm, quán chiếu mà vẫn thấy, cái thấy này được xem là tương đối (relative) tựa như thấy ao nước trong sa mạc. Cái thấy tương đối (vue relative) đều được mọi người chấp nhận dễ dàng như: lửa nóng, nước lạnh, đàn ông, đàn bà, nhà, cửa, v.v... không cần tu hành gì mà cũng thấy được nên gọi là Tục đế (vérité conventionnelle). Cái thấy tuyệt đối (vue ultime) là cái thấy của các bậc tu hành, trải qua thời gian quán chiếu mới nhận ra, và nó có khả năng đưa đến giải thoát nên gọi là Chân đế (vérité ultime).

Vô Ngã, tức không có cái Ta (tự tánh) thuộc Chân đế, cái Ta (giả lập) thuộc Tục đế.